

**CÔNG TY TNHH MTV THUỐC LÁ SÀI GÒN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 29

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Sài Gòn (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

#### **BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng này bao gồm:

- |                          |                                     |
|--------------------------|-------------------------------------|
| - Ông Nguyễn Phương Đông | Chủ tịch - bổ nhiệm ngày 01/11/2015 |
| - Ông Nguyễn Duy Khánh   | Giám đốc Công ty - ủy viên          |
| - Ông Nhâm Minh Thuận    | Ủy viên                             |
| - Ông Vương Quang Thái   | Phó Giám đốc Công ty                |
| - Ông Trịnh Xuân Quang   | Phó Giám đốc Công ty                |

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Thay mặt đại diện cho Ban Giám đốc,



**Nguyễn Duy Khánh**  
Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2016

Số: 23/2016/KT-AVI-TC2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc  
Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Sài Gòn**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Sài Gòn (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 31/03/2016 và được trình bày từ trang số 04 đến trang số 29 bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty hoàn thành việc di dời nhà máy từ tháng 5/2012 và đã ghi tăng nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính để trích khấu hao theo quy định. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đang tiếp tục thực hiện việc quyết toán các công trình hoàn thành và chi phí di dời để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Số dư các khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang, nguyên giá và hao mòn tài sản cố định, chi phí di dời vẫn tiếp tục được điều chỉnh cho đến khi có phê duyệt quyết toán của cấp có thẩm quyền.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu tại phần cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH một thành viên Thuốc lá Sài Gòn tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

- Như trình bày tại Thuyết minh số 7 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, số dư khoản mục phải thu khác tại ngày 31/12/2015 với số tiền là 49,8 tỷ đồng đối với Văn phòng Đại diện B.A.T Marketing - Singapore Pte., Ltd tại TP. Hồ Chí Minh (trước đây là Chi nhánh BAT tại Việt Nam) là khoản phải thu về thuế tiêu thụ đặc biệt truy thu năm 2010 và tiền phạt theo Quyết định số 5142/QĐ - CT - Xp ngày 16/12/2015 của Cục thuế TP Hồ Chí Minh. Văn phòng Đại diện B.A.T Marketing - Singapore Pte., Ltd tại TP. Hồ Chí Minh đã xác nhận sẽ thanh toán đầy đủ khoản tiền truy thu và phạt nói trên trong trường hợp một phần hay toàn bộ nội dung khiếu nại, khiếu kiện về thuế tiêu thụ đặc biệt của Công ty không được chấp nhận.



**Nguyễn Lực Dương**  
Phó Tổng giám đốc  
Số giấy CNĐKHNKT 0387-2015-055-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**  
*Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2016*

**Phạm Thị Liên**  
Kiểm toán viên  
Số giấy CNĐKHNKT 2507-2015-055-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã Số	Thuyết minh	01/01/2015	31/12/2015	Trình bày lại
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>3.883.538.418.870</b>	<b>3.807.132.435.419</b>	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		372.696.805.046	376.863.595.992	
1. Tiền	111	5	372.696.805.046	376.863.595.992	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		684.137.951.584	470.767.327.397	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	439.765.843.335	357.229.665.869	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		53.549.736.694	40.943.779.324	
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	192.129.237.685	73.284.532.729	
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(1.310.731.260)	(700.834.070)	
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		3.865.130	10.183.545	
IV. Hàng tồn kho	140	9	2.821.150.046.528	2.941.370.797.772	
1. Hàng tồn kho	141		2.829.754.786.203	2.947.285.605.665	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.604.739.675)	(5.914.807.893)	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.553.615.712	18.130.714.258	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	5.553.615.712	1.846.483.000	
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	16.284.231.258	
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.205.715.856.221</b>	<b>1.206.500.597.854</b>	
II. Tài sản cố định	220		923.140.556.949	957.789.786.068	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	855.030.264.056	886.941.602.707	
- Nguyên giá	222		1.778.473.211.942	1.714.858.988.576	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(923.442.947.886)	(827.917.385.869)	
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	68.110.292.893	70.848.183.361	
- Nguyên giá	228		94.724.211.505	94.724.211.505	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(26.613.918.612)	(23.876.028.144)	
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		7.536.370.419	8.691.058.864	
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	7.536.370.419	8.691.058.864	
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	14	207.802.601.261	169.843.519.547	
1. Đầu tư vào công ty con	251		120.148.488.288	65.378.528.954	
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		89.239.753.900	108.211.945.957	
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.585.640.927)	(3.746.955.364)	
VI. Tài sản dài hạn khác	260		67.236.327.592	70.176.233.375	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	-	3.233.641.902	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		23.899.050	-	
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		67.212.428.542	66.942.591.473	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>5.089.254.275.091</b>	<b>5.013.633.033.273</b>	

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
				Trình bày lại
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.550.517.722.828</b>	<b>2.591.958.276.327</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.550.517.722.828</b>	<b>2.591.867.386.210</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	374.410.669.587	340.205.441.571
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		14.237.052.713	9.898.222.357
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	280.569.873.392	142.660.322.570
4. Phải trả người lao động	314		49.718.258.652	51.876.916.082
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.124.626.868	1.733.448.033
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	274.039.588.957	252.889.309.892
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	1.524.324.302.249	1.743.764.873.914
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		32.093.350.410	48.838.851.791
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	<b>90.890.117</b>
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	90.890.117
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2.538.736.552.263</b>	<b>2.421.674.756.946</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>2.538.736.552.263</b>	<b>2.421.674.756.946</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.442.248.817.253	715.765.528.954
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.442.248.817.253	715.765.528.954
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	319.090.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	232.268.868.688
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		96.487.735.010	34.516.452.238
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		96.487.735.010	34.516.452.238
5. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	1.438.804.817.066
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>5.089.254.275.091</b>	<b>5.013.633.033.273</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2016

Người lập

Nguyễn Hữu Bình

Kế toán trưởng

Châu Tuấn



Nguyễn Duy Khánh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**MẪU SỐ B 02-DN**  
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm 2014	
	số	minh	Năm 2015	Trình bày lại
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	4.680.442.403.295	4.484.796.843.248
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	4.273.006.291	361.438.164
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	21	4.676.169.397.004	4.484.435.405.084
4. Giá vốn hàng bán	11	22	4.021.167.460.933	3.893.939.588.578
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		655.001.936.071	590.495.816.506
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	32.679.624.527	16.953.180.746
7. Chi phí tài chính	22	24	94.621.524.593	117.126.742.123
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		80.029.179.301	108.063.506.754
8. Chi phí bán hàng	25	25	136.620.194.832	139.955.962.914
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	307.594.785.027	325.937.166.324
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		148.845.056.146	24.429.125.891
11. Thu nhập khác	31	26	15.380.842.354	16.884.344.261
12. Chi phí khác	32	26	33.019.032.503	2.319.233.955
13. Lợi nhuận khác	40		(17.638.190.149)	14.565.110.306
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		131.206.865.997	38.994.236.197
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	34.833.920.154	4.374.503.662
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(114.789.167)	53.770.663
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		96.487.735.010	34.565.961.872

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Hữu Bình

Châu Tuấn

Nguyễn Duy Khánh



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU SỐ B 03 - DN  
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	131.206.865.997	38.994.236.197
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	98.263.452.485	103.109.230.769
- Các khoản dự phòng	03	3.710.224.192	(3.857.206.195)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	941.805.563	2.299.484.635
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(15.871.698.989)	(6.988.560.290)
- Chi phí lãi vay	06	80.029.179.301	108.063.506.754
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	298.279.828.549	241.620.691.870
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(194.760.606.566)	25.765.509.160
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	117.260.982.393	420.778.397.827
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	177.595.571.619	(579.157.731.869)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(3.707.132.712)	(3.137.041.902)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(80.638.000.466)	(108.063.506.754)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(27.419.172.160)	(22.821.108.215)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	60.935.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(50.941.400.408)	(69.503.687.147)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>235.670.070.249</b>	<b>(94.457.542.030)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(52.000.724.655)	(78.757.095.216)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	43.949.999
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	23.715.257.000	14.583.800.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.875.578.389	6.371.463.600
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(20.409.889.266)</b>	<b>(57.757.881.617)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.408.714.164.616	4.764.029.404.931
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.628.137.099.313)	(4.781.284.296.457)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(40.627.997.483)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>(219.422.934.697)</b>	<b>(57.882.889.009)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50	<b>(4.162.753.714)</b>	<b>(210.098.312.656)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	376.863.595.992	586.920.642.901
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61	(4.037.232)	41.265.747
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	372.696.805.046	376.863.595.992

Người lập

*Nguyễn Hữu Bình*

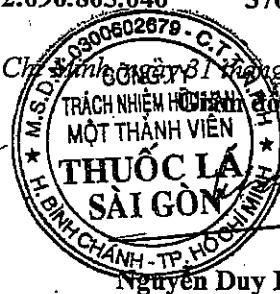
Nguyễn Hữu Bình

Kế toán trưởng

*Châu Tuấn*

Châu Tuấn

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2016



Nguyễn Duy Khánh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Sài Gòn được chuyển đổi từ Nhà máy thuốc lá Sài Gòn - Theo Quyết định 319/2005/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2005, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt chuyển Nhà máy thuốc lá Sài Gòn - đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam thành Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Sài Gòn từ ngày 01/01/2006. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300602679 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 06/01/2006 và Đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 01/04/2013. Theo Quyết định số 170/QĐ-TLVN ngày 29/03/2016 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam phê duyệt mức vốn điều lệ của Công ty đến hết năm 2016 là 2.692.457.671.030 đồng. Tên giao dịch Quốc tế của Công ty là SAIGON TOBACCO COMPANY viết tắt là VINATABA SAIGON.

Văn phòng chính và nhà xưởng của Công ty đặt tại lô C45/I đường số 7, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại 31/12/2015 là 2.371 người (năm 2014 là 2.507 người).

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh và hoạt động chính: Sản xuất và kinh doanh thuốc lá điếu.**

**1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty là 12 tháng, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**1.4 Cấu trúc Công ty**

- Danh sách các công ty con bao gồm:

<b>STT</b>	<b>Tên đơn vị</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu</b>
1	Công ty TNHH MTV Thuốc lá An Giang	100%
2	Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	100%
3	Công ty TNHH MTV Thuốc lá Cửu Long	100%

- Công ty có 01 chi nhánh hạch toán phụ thuộc tại tỉnh Ninh Thuận.

**1.5 Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Kể từ ngày 01/01/2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 ("Thông tư 200") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2015 đã được phân loại lại theo Thông tư 200 và kết quả kiểm toán của Cơ quan Kiểm toán Nhà nước đối với Báo cáo tài chính năm 2014 để có thể so sánh được với số liệu tương ứng trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán:** Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đồng Việt Nam (VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết Công ty hoạt động liên tục. Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty sử dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này:

**Trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Ngày 17/10/2014, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 95/2014/NĐ-CP “Quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ”. Theo đó, doanh nghiệp Nhà nước hàng năm phải trích từ 3% đến 10% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp để lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp. Trong việc lập Báo cáo tài chính năm nay cũng như các năm trước, Công ty chưa thực hiện trích lập quỹ này do chưa có văn bản hướng dẫn và Công ty chưa xây dựng quy chế chi tiêu, sử dụng và các quy chế có liên quan khác đến quỹ phát triển khoa học và công nghệ để gửi cơ quan thuế nơi doanh nghiệp đăng ký thuế.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản nợ, tài sản và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ kế toán). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên 06 tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

**Mức khấu hao (Năm)**

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 50
Máy móc, thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải	3 - 6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 10

Tài sản cố định và khấu hao của Công ty được thực hiện theo các hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Công ty hoàn thành việc di dời nhà máy từ tháng 5/2012 và đã ghi tăng nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính để trích khấu hao theo quy định. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đang tiếp tục thực hiện việc quyết toán các công trình hoàn thành và chi phí di dời để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Số dư các khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang, nguyên giá và hao mòn tài sản cố định, chi phí di dời vẫn tiếp tục được điều chỉnh cho đến khi có phê duyệt quyết toán của cấp có thẩm quyền.

**Tài sản cố định vô hình**

Quyền sử dụng đất là chi phí tiền thuê đất trả trước để thuê lại 140.000 m2 đất tại Khu công nghiệp Vĩnh Lộc trong thời gian 45 năm (từ ngày 29/08/2003 đến ngày 29/08/2048) theo Giấy chứng nhận quyền sử

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

dụng đất cấp ngày 16/08/2004. Nguyên giá quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí liên quan tới đầu tư xây dựng và chi phí lãi vay có liên quan trong thời kỳ đầu tư xây dựng cơ bản phù hợp với các quy định của chuẩn mực Kế toán Việt Nam.

**Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là một công ty mà Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn giữ cổ phần chi phối (từ 51% trở lên) cũng như quyền kiểm soát tương ứng. Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác**

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác là các khoản đầu tư mua cổ phần với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần. Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

**Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính**

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán; trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn nếu các tổ chức mà doanh nghiệp đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

**Chi phí tiền lương**

Quý lương của Công ty được xác định theo Thông tư số 18/2013/TT - BLĐTBH ngày 09/09/2013 và Thông tư số 19/2013/TT - BLĐTBH ngày 09/09/2013 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi ra VND theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Số dư các tài sản bằng tiền và nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại số dư các tài khoản này được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ tài chính hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp.

**Nguồn vốn và phân phối lợi nhuận**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm nguồn vốn do Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam cấp bằng tiền và nguồn vốn tự bổ sung từ lợi nhuận hàng năm theo quyết định của Tổng Công ty.

Các quỹ được hình thành từ phân phối lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh hoặc được Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam cấp.

Lợi nhuận sau thuế được phân phối theo Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ phân phối lợi nhuận đối với Công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, lãi suất áp dụng và theo thông báo của ngân hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**Thuế**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất là 22% tính trên thu nhập chịu thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế có thể khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt được áp dụng cho các sản phẩm thuốc lá điều trong năm tài chính là 65%. Từ ngày 01/01/2016 đến hết ngày 31/12/2018 là 70% và từ ngày 01/01/2019 áp dụng mức thuế suất là 75%.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	187.446.881	75.850.712
Tiền gửi ngân hàng	65.909.684.668	37.596.374.662
Tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước (*)	306.599.673.497	339.191.370.618
<b>Cộng</b>	<b>372.696.805.046</b>	<b>376.863.595.992</b>

(\*): Khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà Nước chỉ được chỉ cho mục đích di dời Dự án 152 Trần Phú và phê duyệt của các cấp có thẩm quyền.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<i>a, Các khách hàng ngoài Tổng công ty</i>	<b>251.893.551.331</b>	<b>228.426.556.844</b>
Công ty Cổ phần Sài Gòn Hoà Xa	46.929.588.646	48.698.250.506
ORIENTAL GENERAL TRADING INC	34.959.503.914	16.759.510.967
T-TECH INTERNATIONAL LIMITED	34.908.052.780	11.031.328.368
Khách hàng khác	135.096.405.991	151.937.467.003
<i>b, Các khách hàng là các bên liên quan (1)</i>	<b>187.872.292.004</b>	<b>128.803.109.025</b>
<b>Cộng</b>	<b>439.765.843.335</b>	<b>357.229.665.869</b>

(1) Xem chi tiết Thuyết minh số 29.

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Trình bày lại	
	VND	VND	Giá trị	Dự phòng
			VND	VND
Phải thu phí li xăng	12.497.648.400	-	19.439.420.200	-
<i>Công ty TNHH MTV Thuốc lá</i>				
<i>Thăng Long</i>	-	-	5.929.500	-
<i>Công ty TNHH MTV Thuốc lá</i>				
<i>Thanh Hóa</i>	6.612.648.400	-	9.584.490.700	-
<i>Công ty TNHH MTV Thuốc lá</i>				
<i>Bắc Sơn</i>	5.885.000.000	-	9.849.000.000	-
Thuế nhập khẩu của nguyên liệu				
sản xuất hàng xuất khẩu	105.839.297.605	-	25.312.828.725	-
Phải thu Công ty BAT - Văn				
phòng đại diện tại Việt Nam (1)	49.883.462.909	-	-	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật công				
nghệ Sài Gòn (2)	13.071.614.124	-	13.071.614.124	-
Công ty Xây dựng số 5	-	-	6.634.958.069	-
Các khoản khác	10.837.214.647	-	8.825.711.611	-
<b>Cộng</b>	<b>192.129.237.685</b>	<b>-</b>	<b>73.284.532.729</b>	<b>-</b>

(1) Công ty đã gửi Công văn số 391/TLSG-TCKT ngày 29/12/2015 đề nghị Văn phòng Đại diện B.A.T Marketing Singapore Pte., Ltd tại TP Hồ Chí Minh (trước đây là Chi nhánh BAT Việt Nam ) thanh



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

toán lại cho Công ty số tiền là 49.883.462.909 đồng liên quan đến số tiền truy thu thuế tiêu thụ đặc biệt và tiền phạt năm 2010 theo Quyết định số 5142/QĐ-CT-XP ngày 29/12/2015 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 29/12/2015, Văn phòng Đại diện B.A.T Marketing - Singapore Pte., Ltd tại TP. Hồ Chí Minh gửi công văn trả lời và xác nhận thanh toán đầy đủ khoản tiền truy thu và phạt nói trên trong trường hợp một phần hay toàn bộ nội dung khiếu nại, khiếu kiện về thuế tiêu thụ đặc biệt của Công ty không được chấp nhận (xem bổ sung Thuyết minh số 26).

Ngày 07/03/2015, Công ty đã gửi đơn khiếu kiện liên quan các nội dung phạt và truy thu trong quyết định số 5142/QĐ-CT-XP ngày 29/12/2015 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh, đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa nhận được văn bản trả lời của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh.

- (2) Số tiền tạm ứng khối lượng hoàn thành cho Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn (Techgel) số tiền 13.071.614.124 đồng bằng nguồn vốn tự có của Công ty. Đồng thời Công ty cũng đã giải ngân từ Kho bạc Nhà nước cho Techgel toàn bộ số tiền trên.

Ngày 21/01/2016, Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn có Công văn số 27/TECHGEL về kế hoạch hoàn trả tiền tạm ứng bằng vốn tự có như sau:

STT	Nội dung thanh toán	Số tiền nhận được từ Công ty	Đơn vị tính: VND	
			Số tiền hoàn trả Công ty	
1	Thanh toán phụ lục 22,23	6.874.367.870	3.000.000.000	
2	Thanh toán lũy kế 93%	5.940.529.278	4.000.000.000	
3	Thanh toán lũy kế 100%	9.458.879.918	6.071.614.124	
<b>Cộng</b>		<b>22.273.777.066</b>	<b>13.071.614.124</b>	

**8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng	Giá gốc VND	Dự phòng
Công ty XNK TH&ĐT Nam Định	14.680.060	14.680.060	14.680.060	14.680.060
DNTN Nguyễn Văn Trung	3.400.000	3.400.000	3.400.000	3.400.000
Công ty Sóc Sơn	57.778.250	57.778.250	57.778.250	57.778.250
Công ty TNHH TM Trường Thành	386.855.000	386.855.000	392.855.000	392.855.000
Công ty DV-TM Thiện Phú	200.784.520	200.784.520	200.784.520	100.392.260
Công ty Thương mại Thanh Thu	131.728.500	131.728.500	131.728.500	131.728.500
Công ty Cổ phần Vĩnh Phát	1.031.009.860	515.504.930	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.826.236.190</b>	<b>1.310.731.260</b>	<b>801.226.330</b>	<b>700.834.070</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**9. HÀNG TỒN KHO**

	<b>31/12/2015</b>		<b>01/01/2015</b>	
			<b>Trình bày lại</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	2.564.251.313.485	(5.678.174.377)	2.754.319.650.206	(5.498.100.738)
Công cụ, dụng cụ	30.887.337.841	(416.707.155)	23.962.551.118	(416.707.155)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	59.704.010.837	-	56.982.624.331	-
Thành phẩm, thuốc lá điều các loại	174.912.124.040	(2.509.858.143)	112.020.780.010	-
<b>Cộng hàng tồn kho</b>	<b>2.829.754.786.203</b>	<b>(8.604.739.675)</b>	<b>2.947.285.605.665</b>	<b>(5.914.807.893)</b>

Số dư hàng tồn kho bao gồm giá trị nguyên liệu thuốc lá tồn kho là 2.437 tỷ đồng, chiếm khoảng 86% trong tổng giá trị hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2015. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đối với một số loại hàng tồn kho (một số loại nguyên liệu tồn kho lâu ngày giảm chất lượng và vật tư, công cụ dụng cụ tồn đọng), mức trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được Ban Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý, đủ để bù đắp cho mức giảm giá hàng tồn kho so với giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày 31/12/2015 với giá gốc trên sổ kế toán. Chưa có biện pháp bảo đảm nào khác được Công ty thực hiện ngoài việc ước tính và trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nói trên.

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>Trình bày lại VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.553.615.712</b>	<b>1.846.483.000</b>
Chi phí bảo hộ lao động	1.956.230.000	1.846.483.000
Bảo hiểm tài sản	3.597.385.712	-
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>3.233.641.902</b>
Bảo hiểm tài sản	-	3.233.641.902
<b>Cộng</b>	<b>5.553.615.712</b>	<b>5.080.124.902</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09-DN**

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa		Phương tiện vận tải		Thiết bị dụng cụ quản lý		TSCĐ hữu hình khác		Cộng VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>NGUYÊN GIÁ</b>									
Tại 01/01/2015	396.054.385.948	1.210.617.565.603	57.014.807.157	51.034.117.368	138.112.500	138.112.500	1.714.858.988.576		
Tăng trong năm	23.032.884.203	27.383.340.694	4.603.513.487	8.594.484.982	-	-	63.614.223.366		
Đầu tư, mua sắm mới	400.260.000	4.504.838.153	4.603.513.487	8.594.484.982	-	-	18.103.096.622		
Điều chỉnh tài sản từ các dự án đầu tư	22.632.624.203	22.878.502.541	-	-	-	-	45.511.126.744		
Tại 31/12/2015	419.087.270.151	1.238.000.906.297	61.618.320.644	59.628.602.350	138.112.500	138.112.500	1.778.473.211.942		
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>									
Tại 01/01/2015	73.058.385.935	671.020.114.209	48.507.696.803	35.193.076.422	138.112.500	138.112.500	827.917.385.869		
Tăng trong năm	17.075.553.379	69.792.955.813	2.782.581.377	5.874.471.448	-	-	95.525.562.017		
Khấu hao trong năm	16.717.790.286	75.235.587.782	2.782.581.377	6.271.330.557	-	-	101.007.290.002		
Điều chỉnh khác	357.763.093	(5.442.631.969)	-	(396.859.109)	-	-	(5.481.727.985)		
Tại 31/12/2015	90.133.939.314	740.813.070.022	51.290.278.180	41.067.547.870	138.112.500	138.112.500	923.442.947.886		
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>									
Tại 01/01/2015	322.996.000.013	539.597.451.394	8.507.110.354	15.841.040.946	-	-	886.941.602.707		
Tại 31/12/2015	328.953.330.837	497.187.836.275	10.328.042.464	18.561.054.480	-	-	855.030.264.056		

- Tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng tại 31/12/2015 là 589.210.315.424 đồng (tại 31/12/2014 là: 585.590.503.345 đồng).

- Công ty hoàn thành việc di dời nhà máy từ tháng 5/2012 và đã ghi tăng nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính để trích khấu hao theo quy định. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đang tiếp tục thực hiện việc quyết toán các công trình hoàn thành và chỉ phí di dời để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Số dư các khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang, nguyên giá và hao mòn tài sản cố định, chi phí di dời vẫn tiếp tục được điều chỉnh cho đến khi có phê duyệt quyết toán của cấp có thẩm quyền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Cộng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại 01/01/2015	93.371.870.000	1.352.341.505	94.724.211.505
Tăng trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>93.371.870.000</b>	<b>1.352.341.505</b>	<b>94.724.211.505</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại 01/01/2015	23.445.209.769	430.818.375	23.876.028.144
Khấu hao trong năm	2.061.719.712	676.170.756	2.737.890.468
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>25.506.929.481</b>	<b>1.106.989.131</b>	<b>26.613.918.612</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2015	69.926.660.231	921.523.130	70.848.183.361
Tại 31/12/2015	67.864.940.519	245.352.374	68.110.292.893

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Dây chuyền thiết bị sợi 6 tấn/giờ	114.600.000	114.600.000
Đầu tư chiều sâu phân xưởng sợi	447.985.455	366.167.273
Hệ thống tin học, phần mềm	5.159.128.500	5.062.878.500
Hệ thống Camera quan sát	-	1.748.731.191
Chi phí đầu tư hệ thống PCCC kho Long Bình	442.213.937	442.213.937
Đầu tư hệ thống kho lạnh tại Long Bình	522.273.522	477.216.586
Khác	850.169.005	479.251.377
<b>Cộng</b>	<b>7.536.370.419</b>	<b>8.691.058.864</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Tại ngày 31/12/2015		Tại ngày 01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
a) Đầu tư vào Công ty con	120.148.488.288	120.148.488.288	65.378.528.954	65.378.528.954
Công ty TNHH MTV Thuốc lá An Giang	35.482.128.256	35.482.128.256	34.890.775.835	34.890.775.835
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	31.481.095.950	31.481.095.950	30.487.753.119	30.487.753.119
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Cửu Long (1)	53.185.264.082	53.185.264.082	-	-
b) Đầu tư dài hạn khác	89.239.753.900	90.825.394.827	108.211.945.957	104.464.990.593
Đầu tư vào Vina Alliance (2)	66.000.000.000	67.585.640.927	66.000.000.000	64.824.671.893
Công ty Cổ phần Cát Lợi	8.397.799.900	8.397.799.900	8.397.799.900	8.397.799.900
Công ty Cổ phần Hòa Việt	7.677.600.000	7.677.600.000	7.677.600.000	7.677.600.000
Công ty Cổ phần Ngân Sơn (3)	7.164.354.000	7.164.354.000	7.164.354.000	7.164.354.000
Ngân hàng Vietcombank	-	-	5.372.192.057	2.800.564.800
Công ty Cổ phần Thủy điện miền Nam	-	-	7.600.000.000	7.600.000.000
Công ty Cổ phần Sài Gòn	-	-	6.000.000.000	6.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>209.388.242.188</b>	<b>210.973.883.115</b>	<b>173.590.474.911</b>	<b>169.843.519.547</b>
				<b>(3.746.955.364)</b>
				<b>(1.175.328.107)</b>

(1) Quyết định số 251/QĐ-TL-VN ngày 10/7/2015 của Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam về việc chuyển Công ty Thuốc lá Cửu Long về làm công ty con của Công ty từ ngày 01/10/2015.

(2) Số dư của khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn được trích lập căn cứ theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Vina Alliance cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014. Ước tính số dự phòng hoàn nhập tại thời điểm 31/12/2015 khoảng 89 triệu đồng.

(3) Ngày 19/08/2015, Công ty Cổ phần Ngân Sơn ("Ngân Sơn") xảy ra hòa hoãn tại kho hàng hóa đã gây thiệt với giá trị khoảng 309 tỷ đồng. Hiện tại, Ngân Sơn đang làm việc với cơ quan bảo hiểm để tính toán và xác định số tiền bồi thường. Theo đó giá trị hợp lý của khoản đầu tư nói trên sẽ được điều chỉnh khi các bên thống nhất kết quả bồi thường chính thức.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**MẪU SỐ B 09-DN**

**15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2015		01/01/2015			
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Phát sinh trong năm			
			Tăng VND	Giảm VND		
Các khoản vay ngắn hạn	1.524.324.302.249	1.524.324.302.249	4.408.753.670.353	4.628.194.242.018	1.743.764.873.914	1.743.764.873.914
<i>Vay bằng VND</i>	<i>1.413.931.153.477</i>	<i>1.413.931.153.477</i>	<i>3.909.225.506.586</i>	<i>4.042.378.453.760</i>	<i>1.547.084.100.651</i>	<i>1.547.084.100.651</i>
Vietcombank - CN Hồ Chí Minh (1)	610.691.067.725	610.691.067.725	1.648.247.601.101	1.690.996.110.918	653.439.577.542	653.439.577.542
Vietcombank - CN Bình Tây (1)	20.074.780.750	20.074.780.750	39.320.728.996	35.538.034.723	16.292.086.477	16.292.086.477
Vietinbank - CN Hồ Chí Minh (2)	783.165.305.002	783.165.305.002	2.221.657.176.489	2.315.844.308.119	877.352.436.632	877.352.436.632
<i>Vay bằng USD</i>	<i>110.393.148.772</i>	<i>110.393.148.772</i>	<i>499.528.163.767</i>	<i>585.815.788.258</i>	<i>196.680.773.263</i>	<i>196.680.773.263</i>
Vietcombank - CN Hồ Chí Minh (1)	110.393.148.772	110.393.148.772	491.524.753.752	575.254.509.699	194.122.904.719	194.122.904.719
Vietinbank - CN Hồ Chí Minh	-	-	8.003.410.015	10.561.278.559	2.557.868.544	2.557.868.544
<b>Cộng</b>	<b>1.524.324.302.249</b>	<b>1.524.324.302.249</b>	<b>4.408.753.670.353</b>	<b>4.628.194.242.018</b>	<b>1.743.764.873.914</b>	<b>1.743.764.873.914</b>

(1): Khoản vay theo hợp đồng tín dụng đã ký với các đơn vị thuộc Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam với tổng hạn mức 850 tỷ đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay được tính theo từng Giấy nhận nợ của từng lần rút vốn, tối đa là 06 tháng kể từ ngày nhận nợ theo Giấy nhận nợ. Lãi suất vay được xác định tại thời điểm nhận nợ nhưng không thấp hơn mức lãi suất cho vay ưu đãi của ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam quy định từng thời kỳ. Các khoản vay trên được bảo đảm bằng tài sản là hệ thống dây chuyền sản xuất sợi 6 tấn/giờ với tổng giá trị là 214.676.000.000 đồng.

(2): Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 15.2600057/2015-HĐTDNH/HCT900-TLSG tại Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh ngày 30/10/2015. Hạn mức cho vay là 850.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức là kể từ ngày 30/10/2015 đến hết ngày 15/10/2016, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho sản xuất kinh doanh năm 2015-2016. Thời hạn cho vay được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng, lãi suất cho vay được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**16. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2015		01/01/2015	
			Trình bày lại	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
T-TECH International Company Limited	43.304.570.290	43.304.570.290	63.957.304.529	63.957.304.529
ORIENTAL GENERAL TRADING INC	13.168.263.609	13.168.263.609	15.032.944.575	15.032.944.575
Công ty Cổ phần In Minh Phương	7.705.385.589	7.705.385.589	3.044.752.150	3.044.752.150
Công ty TNHH TM ĐT&PT Kỹ thuật	9.356.224.895	9.356.224.895	10.606.970.000	10.606.970.000
Công ty TNHH BB Giấy Nhôm NEW TOYO	6.142.840.534	6.142.840.534	3.585.676.233	3.585.676.233
NEWCO LEAF ASIA PTE. LTD.	2.928.401.712	2.928.401.712	-	-
Công ty TNHH SM ALUPACK	2.691.255.600	2.691.255.600	2.088.866.395	2.088.866.395
Công ty TNHH WATTENS VN	2.534.422.000	2.534.422.000	923.076.000	923.076.000
Công ty TNHH MTV VI RE SIN	2.218.480.000	2.218.480.000	1.356.080.000	1.356.080.000
Công ty TNHH SX TM DV Khai Quân	2.037.200.000	2.037.200.000	1.018.600.000	1.018.600.000
Công ty TNHH Bao Bỉ MM Vidon	2.035.758.701	2.035.758.701	902.975.040	902.975.040
Công ty Cổ phần SX&TM Minh Phúc	1.816.014.277	1.816.014.277	305.319.317	305.319.317
Khách hàng khác	278.471.852.380	278.471.852.380	237.382.877.332	237.382.877.332
<b>Cộng</b>	<b>374.410.669.587</b>	<b>374.410.669.587</b>	<b>340.205.441.571</b>	<b>340.205.441.571</b>
Trong đó:				
<i>Phải trả các bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 29)</i>		<u>233.331.220.511</u>		<u>121.566.278.847</u>

**17. THUẾ PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2015			
	Trình bày lại VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	31/12/2015 VND
Thuế GTGT hàng nội địa	19.452.817.193	347.364.313.678	336.553.083.811	30.264.047.060
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	12.960.822.445	12.960.822.445	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	119.484.376.747	1.732.137.218.625	1.700.618.623.821	151.002.971.551
Thuế xuất, nhập khẩu	(9.867.639.344)	141.092.751.251	147.232.159.010	(16.007.047.103)
Thuế xuất, nhập khẩu chờ thanh khoản	-	121.924.468.098	31.011.814.895	90.912.653.203
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(4.968.566.022)	51.009.064.221	27.419.172.160	18.621.326.039
Thuế thu nhập cá nhân	(1.448.025.892)	3.870.011.772	1.047.504.301	1.374.481.579
Thuế nhà thầu	151.487.600	-	-	151.487.600
Quỹ phòng chống tác hại thuốc lá	1.955.227.930	27.627.097.377	26.948.784.944	2.633.540.363
Thuế, phí khác	-	5.000.000	5.000.000	-
Thuế TNDN phải nộp theo biên bản KTNN	1.616.413.100	-	-	1.616.413.100
<b>Tổng Cộng</b>	<b>126.376.091.312</b>	<b>2.437.990.747.467</b>	<b>2.283.796.965.387</b>	<b>280.569.873.392</b>
Trong đó:				
<i>Các khoản thuế phải thu</i>	16.284.231.258			-
<i>Các khoản thuế phải nộp</i>	142.660.322.570			280.569.873.392

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam	258.571.434.600	238.035.573.900
- Phí li xăng	258.571.434.600	238.035.573.900
Phải trả hỗ trợ phát triển thị trường (*)	11.046.637.546	10.544.916.466
Kinh phí công đoàn	1.261.357.451	1.597.200.179
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	204.668.812	206.677.623
Tài sản thừa chờ xử lý	8.718.905	12.656.293
Nhận ký quỹ ngắn hạn	246.159.127	542.699.800
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	2.700.612.516	1.949.585.631
<b>Cộng</b>	<b>274.039.588.957</b>	<b>252.889.309.892</b>

(\*) Khoản hỗ trợ các nhà phân phối chưa có xác nhận. Đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính này, Công ty đã chi trả 5,8 tỷ đồng cho các nhà phân phối.

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	LNST chưa phân phối VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ Đầu tư phát triển VND
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>	<b>715.765.528.954</b>	<b>1.438.804.817.066</b>	<b>34.516.452.238</b>	<b>319.090.000</b>	<b>232.268.868.688</b>
- Nhận bàn giao công ty con từ TCT Thuốc lá	50.368.464.803	-	-	-	-
- Tăng vốn từ Công ty con	4.401.494.531	-	-	-	-
- Lợi nhuận sau thuế	-	-	96.487.735.010	-	-
- Phân phối lợi nhuận năm 2014 (1)	-	-	(34.516.452.238)	-	320.553.211
- Tăng vốn trong năm (2)	1.671.713.328.965	(1.438.804.817.066)	-	(319.090.000)	(232.589.421.899)
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>2.442.248.817.253</b>	<b>-</b>	<b>96.487.735.010</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(1) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2014 theo phê duyệt của Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam. Chi tiết bao gồm: Trích bổ sung Quỹ đầu tư phát triển là 320.553.211 đồng và trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi 34.195.899.027 đồng.

(2) Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết số 143/NQ-TLVN ngày 15/03/2016 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam về việc phê duyệt bổ sung vốn điều lệ đến hết năm 2016 của Công ty Thuốc lá Sài Gòn là 2.692.457.671.030 đồng. Công ty sẽ tiếp tục ghi tăng vốn trong năm 2016 khi thu xếp được nguồn.

**20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại thời điểm 31/12/2015, Công ty có các khoản mục ngoại tệ, tài sản nhận giữ hộ như sau:

	ĐVT	31/12/2015	01/01/2015
1. Ngoại tệ	USD	325.325,52	87.653,00
2. Tài sản nhận giữ hộ (1)	VND	133.294.000.000	140.080.000.000
3. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ	VND	131.046.301.189	152.945.147.004
- Hàng hóa nhận giữ hộ (2)		125.884.461.340	147.783.307.155
- Vật tư nhận giữ hộ		5.161.839.849	5.161.839.849



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

- (1) Tài sản nhận giữ hộ bao gồm vàng, sổ tiền gửi tiết kiệm và các giấy tờ nhà đất của các khách hàng nhằm bảo đảm cho các khoản nợ mua hàng.
- (2) Hàng hóa nhận giữ hộ là các loại thuốc lá bao của khách hàng chưa nhận, đang gửi kho Công ty tại 31/12/2015 là 19.358.320 bao ( tại 31/12/2014 là 22.104.220 bao).

**21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu thuốc lá bao	4.332.857.573.630	4.223.669.720.103
- Thuốc lá bao nội địa	2.768.977.391.954	2.563.851.268.224
- Thuốc lá bao xuất khẩu	1.563.880.181.676	1.659.818.451.879
Doanh thu xuất khẩu cho Công ty liên doanh VOC	157.371.415.203	109.054.488.968
Hàng xuất khẩu phục vụ tiêu thụ	89.582.214.438	46.792.466.099
Thu tiền li-xăng Vinataba	43.028.157.700	48.536.629.100
Doanh thu bán vật tư	21.747.162.519	26.375.582.272
Doanh thu gia công sợi trong nước	23.207.652.500	23.957.641.300
Doanh thu gia công sợi xuất khẩu	5.244.026.155	-
Doanh thu bán phế liệu	4.889.478.290	6.162.639.246
Doanh thu vận chuyển	27.495.360	16.676.160
Doanh thu hàng hóa phục vụ tiêu thụ	2.487.227.500	231.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.680.442.403.295</b>	<b>4.484.796.843.248</b>
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>	<i>4.273.006.291</i>	<i>361.438.164</i>
Hàng bán bị trả lại	4.273.006.291	361.438.164
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>4.676.169.397.004</b>	<b>4.484.435.405.084</b>
<i>Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 29)</i>	<i>1.714.154.146.773</i>	<i>1.755.589.483.952</i>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn thuốc lá điều	3.712.258.620.741	3.667.941.303.660
Giá vốn thuốc lá xuất khẩu cho liên doanh VOC	141.777.740.201	100.538.694.764
Giá vốn hàng hóa xuất khẩu phục vụ tiêu thụ	83.248.435.578	44.938.226.011
Giá vốn li-xăng Vinataba	35.826.800.700	41.292.356.100
Giá vốn bán vật tư	20.414.675.652	25.319.222.958
Giá vốn gia công nguyên liệu trong nước	14.825.469.803	14.358.596.088
Giá vốn gia công nguyên liệu xuất khẩu	3.158.985.367	-
Giá vốn hàng hóa phục vụ tiêu thụ	2.487.227.500	231.000.000
Giá vốn bán phế liệu	4.889.478.290	6.162.639.246
Thuế nhập khẩu hàng hóa	-	2.965.269.079
Thuế nhập khẩu được hoàn	(655.234.996)	(13.321.648.074)
Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.935.262.097	(606.729.675)
Giá vốn khác	-	4.426.490
Điều chỉnh giá vốn theo Kiểm toán Nhà nước	-	4.116.231.931
<b>Cộng</b>	<b>4.021.167.460.933</b>	<b>3.893.939.588.578</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	374.355.789	573.146.691
Thu cổ tức	8.182.568.600	6.371.463.600
Lãi thanh lý các khoản đầu tư	6.384.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.884.071.466	5.061.058.583
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	60.821.160	424.459.463
Doanh thu khác	12.793.807.512	4.523.052.409
<b>Cộng</b>	<b>32.679.624.527</b>	<b>16.953.180.746</b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	80.029.179.301	108.063.506.754
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.110.180.349	7.883.117.764
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.002.626.723	2.723.944.098
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(520.461.780)	(1.543.826.493)
<b>Cộng</b>	<b>94.621.524.593</b>	<b>117.126.742.123</b>

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 Trình bày lại VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>136.620.194.832</b>	<b>139.955.962.914</b>
Chi phí nhân công	3.696.877.711	2.037.938.838
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.456.564.344	2.558.002.931
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.323.148.928	36.052.525.018
Chi phí bằng tiền khác	91.143.603.849	99.307.496.127
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>307.594.785.027</b>	<b>325.937.166.324</b>
Chi phí nguyên vật liệu	6.410.165.288	6.205.296.050
Chi phí nhân công	138.303.450.701	113.547.696.225
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.059.771.187	20.184.238.240
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.461.042.422	45.822.172.083
Chi phí khác	74.360.355.429	140.177.763.726
<b>Cộng</b>	<b>444.214.979.859</b>	<b>465.893.129.238</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>15.380.842.354</b>	<b>16.884.344.261</b>
Thanh lý tài sản cố định	-	43.949.999
Cho thuê máy móc, nhà xưởng	10.395.085.938	9.973.659.563
Công ty BAT Việt Nam hỗ trợ	-	3.144.623.625
Bồi thường, phạt	97.081.121	1.115.572.436
Thu nhập khác	4.888.675.295	2.606.538.638
<b>Chi phí khác</b>	<b>33.019.032.503</b>	<b>2.319.233.955</b>
Tiền truy thu, phạt thuế (1)	30.463.597.862	983.926.131
Chi phí khác	2.555.434.641	1.335.307.824

(1) Khoản tiền truy thu và phạt thuế theo quyết định số 5142/QĐ-CT-XP ngày 16/12/2015 của Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh về việc truy thu, xử phạt hành chính từ năm 2010 đến năm 2014. Chi tiết như sau:

STT	Nội dung	Số tiền truy thu và phạt VND	Số hạch toán chi phí VND	Thu VP ĐD BATM (*) VND
1.	Tiền phạt kê khai sai	3.237.811.314	1.750.358.996	1.487.452.318
2.	Tiền truy thu thuế, trong đó	53.009.690.580	17.503.589.963	35.506.100.617
	- Truy thu thuế TTĐB năm 2010	35.506.100.617		35.506.100.617
	- Truy thu thuế GTGT năm 2011	1.151.460.896	1.151.460.896	-
	- Truy thu thuế TNDN	16.175.144.067	16.175.144.067	-
	- Truy thu thuế TNCN	176.985.000	176.985.000	-
3.	Tiền phạt nộp chậm	24.099.558.877	11.209.648.903	12.889.909.974
	<b>Cộng</b>	<b>80.347.060.771</b>	<b>30.463.597.862</b>	<b>49.883.462.909</b>

(\*): Xem chi tiết Thuyết minh số 7.

Công ty đã thực hiện nộp số tiền 80.347.060.771 đồng vào ngân sách Nhà nước. Đồng thời, ngày 07/03/2016, Công ty đã gửi Đơn khiếu nại tới Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh do chưa thống nhất các nội dung của Quyết định truy thu và phạt thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế thu nhập doanh nghiệp.

**27. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	131.206.865.997	38.994.236.197
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>27.129.134.704</b>	<b>(19.110.128.643)</b>
Các khoản chi phí không được khấu trừ	34.789.934.362	4.990.762.757
Thu nhập không chịu thuế	(8.182.568.600)	(8.561.708.276)
Loại trừ các khoản chi có tính chất phúc lợi	-	(22.846.737.984)
Chi phí điều chỉnh theo KTNN	-	7.551.966.966
Chênh lệch tạm thời	521.768.942	(244.412.106)
<i>Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm nay</i>	<i>108.632.047</i>	<i>(413.136.895)</i>
<i>Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước</i>	<i>413.136.895</i>	<i>168.724.789</i>
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>158.336.000.701</b>	<b>19.884.107.554</b>
Thuế suất	22%	22%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>34.833.920.154</b>	<b>4.374.503.662</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 Trình bày lại VND
Chi phí nguyên vật liệu	3.668.136.385.423	3.331.738.081.910
Chi phí nhân công	359.701.184.708	310.711.787.382
Chi phí khấu hao tài sản cố định	98.263.452.485	103.109.230.769
Chi phí dịch vụ mua ngoài	185.792.846.339	139.197.657.351
Chi phí bằng tiền khác	184.005.649.829	256.481.638.686
<b>Cộng</b>	<b>4.495.899.518.784</b>	<b>4.141.238.396.098</b>

**29. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm tài chính 2015, Công ty có giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

*Giao dịch với các bên liên quan*

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ</b>		
Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá	817.488.487.928	880.434.159.698
Công ty Thương mại Thuốc lá	610.229.968.000	531.371.112.000
Công ty Thương mại Miền Nam	235.847.764.600	306.938.621.680
Công ty TNHH Vinataba - Philip Morris	12.402.375.500	11.936.288.868
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	7.492.436.000	10.856.526.826
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đà Nẵng	3.937.989.798	5.138.308.974
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	3.543.400.976	1.867.835.940
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bến Tre	4.245.848.222	2.439.875.932
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	1.790.710.289	1.311.075.222
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Cửu Long	1.377.799.000	1.235.130.318
Công ty TNHH MTV Thuốc lá An Giang	2.324.841.960	845.782.734
Công ty Cổ phần Cát Lợi	617.190.000	778.258.328
Công ty Cổ phần Hòa Việt	-	217.181.500
Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam	-	219.325.932
Công ty TNHH MTV Viện kỹ thuật Thuốc lá	1.560.250	-
Công ty TNHH Liên Doanh Vinataba-BAT	12.853.774.250	-
<b>Cộng</b>	<b>1.714.154.146.773</b>	<b>1.755.589.483.952</b>

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Cổ tức</b>	<b>4.614.776.600</b>	<b>5.257.344.400</b>
Công ty Cổ phần Hòa Việt	1.006.485.600	1.509.728.400
Công ty Cổ phần Ngân Sơn	681.346.000	1.238.806.000
Công ty Cổ phần Cát Lợi	2.926.945.000	2.508.810.000
<b>Phí li xăng</b>	<b>43.028.157.700</b>	<b>48.536.629.100</b>
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	21.028.157.700	22.121.758.500
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	22.000.000.000	24.120.000.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	-	2.294.870.600

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>		
Công ty Cổ phần Cát Lợi	797.657.993.728	633.178.204.358
Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá	357.718.751.149	376.860.171.598
Công ty Cổ phần Hòa Việt	440.625.251.100	292.811.219.300
Công ty Cổ phần Ngân Sơn	324.775.220.700	109.705.008.500
Công ty TNHH MTV Viện Kinh tế Kỹ thuật Thuốc lá	96.147.319.200	93.934.819.900
Công ty Thương mại Miền Nam	12.209.619.605	10.694.229.666
Công ty TNHH MTV Thuốc lá An Giang	5.620.852.600	3.927.604.600
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	5.792.417.400	3.058.330.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Cửu Long	1.917.223.000	1.109.110.200
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	1.972.737.781	1.143.430.105
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bến Tre	65.605.169.300	811.470.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hoá	60.000.000	180.000.000
Trung tâm đào tạo Vinataba	249.500.000	24.200.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	1.474.880.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.111.826.935.563</u></b>	<b><u>1.527.437.798.227</u></b>
<b>Trả tiền phí li xăng</b>	<b>63.535.860.700</b>	<b>72.837.581.100</b>
<b>Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam</b>	<b>63.535.860.700</b>	<b>72.837.581.100</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**Số dư với các bên liên quan**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các khoản phải thu của khách hàng</b>	<b>187.872.292.004</b>	<b>128.803.109.025</b>
Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá	104.197.812.129	71.039.914.644
Công ty Thương mại Thuốc lá	44.133.320.000	22.552.750.000
Công ty Thương mại Miền Nam	36.191.242.230	30.870.602.336
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bến Tre	287.548.800	1.031.008.467
Công ty TNHH Vinataba - Philip Morris	1.404.765.450	1.156.434.400
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	-	1.130.050.400
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đà Nẵng	655.661.917	836.179.960
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	-	140.421.600
Công ty TNHH MTV Thuốc lá An Giang	-	45.747.218
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	1.001.941.478	-
<b>Các khoản phải thu khác</b>	<b>13.178.994.400</b>	<b>19.439.420.200</b>
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	-	5.929.500
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	6.612.648.400	9.584.490.700
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	5.885.000.000	9.849.000.000
Công ty Cổ phần Ngân Sơn	681.346.000	-
<b>Phải trả người bán</b>	<b>233.331.220.511</b>	<b>121.566.278.847</b>
Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá	7.057.363.491	6.682.212.988
Công ty Cổ phần Hoà Việt	68.818.588.400	6.189.312.500
Công ty Cổ phần Ngân Sơn	33.758.218.400	14.661.124.800
Công ty Cổ phần Cát Lợi	72.577.476.343	53.392.632.223
Công ty TNHH MTV Viện KTKT Thuốc lá	25.073.795.400	36.333.345.500
Công ty TNHH MTV Thuốc lá An giang	9.516.043.345	4.307.650.836
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	6.004.807.675	-
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Cửu Long	4.737.755.576	-
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bến Tre	33.000.000	-
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	5.754.171.881	-
<b>Các khoản phải trả khác</b>	<b>258.571.434.600</b>	<b>238.035.573.900</b>
Phải trả Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam	258.571.434.600	238.035.573.900

**30. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Theo Quyết định số 452/QĐ-TLVN ngày 11/12/2015 của Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam, từ ngày 01/01/2016, các Công ty thuốc lá bao gồm: Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bến Tre, Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An sẽ trở thành Công ty con của Công ty.

Theo Nghị quyết số 143/NQ-TLVN ngày 15/03/2016 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam về việc phê duyệt bổ sung vốn điều lệ đến hết năm 2016 của Công ty Thuốc lá Sài Gòn là 2.692.457.671.030 đồng. Công ty sẽ tiếp tục ghi tăng vốn trong năm 2016 khi thu xếp được nguồn.

Ngoài ra không có bất kỳ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần điều chỉnh hoặc thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**31. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số trên Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Phú (nay là Công ty TNHH Kiểm toán An Việt), đồng thời đã được điều chỉnh theo kết quả kiểm toán của cơ quan Kiểm toán nhà nước và trình bày lại cho phù hợp với Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Các chỉ tiêu được điều chỉnh lại như sau:

Điều chỉnh lại Bảng cân đối kế toán

TÀI SẢN	01/01/2015	Phân loại lại	Điều chỉnh	01/01/2015
	VND	theo TT200	KINN	Trình bày lại
	VND		VND	VND
1. Phải thu ngắn hạn khác	69.167.694.990	3.931.574.199	185.263.540	73.284.532.729
2. Tài sản thiếu chờ xử lý	-	10.183.545	-	10.183.545
3. Hàng tồn kho	3.013.638.839.599	(66.942.591.473)	589.357.539	2.947.285.605.665
4. Tài sản ngắn hạn khác	3.941.757.744	(3.941.757.744)	-	-
- Nguyên giá	1.690.990.288.608	-	23.868.699.968	1.714.858.988.576
- Giá trị hao mòn lũy kế	(822.435.658.157)	-	(5.481.727.712)	(827.917.385.869)
5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31.304.263.312	-	(22.613.204.448)	8.691.058.864
6. Chi phí trả trước dài hạn	-	-	3.233.641.902	3.233.641.902
7. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	-	66.942.591.473	-	66.942.591.473
8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	140.752.188.609	-	1.908.133.961	142.660.322.570
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	48.918.863.380	-	(80.011.589)	48.838.851.791
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	36.562.543.821	-	(2.046.091.583)	34.516.452.238

Điều chỉnh Báo cáo kết quả kinh doanh

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014	Phân loại theo	Điều chỉnh	Năm 2014
		VND	TT200	KINN	Trình bày lại
		VND	VND	VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.152.130.394.593	(1.667.333.551.345)	-	4.484.796.843.248
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	1.667.694.989.509	(1.667.333.551.345)	-	361.438.164
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	4.484.435.405.084	-	-	4.484.435.405.084
4. Giá vốn hàng bán	11	3.898.055.820.509	-	(4.116.231.931)	3.893.939.588.578
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	329.615.396.618	-	(3.678.230.294)	325.937.166.324
6. Chi phí khác	32	2.327.557.109	-	(8.323.154)	2.319.233.955
7. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	2.807.600.196	-	1.566.903.466	4.374.503.662
8. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	36.562.543.821	-	(1.996.581.949)	34.565.961.872

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng







Nguyễn Hữu Bình

Châu Tuấn

Nguyễn Duy Khánh